

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/ TLST - DS ngày 07 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Công T, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Thôn 5, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Phạm Văn C, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn 2, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Bà Phạm Thị G, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Xóm 2, ĐC, xã K, huyện Y, Ninh Bình.

+ Bà Phạm Thị L, sinh tháng 6 năm 1962.

Địa chỉ: Xóm 2, ĐC, xã K, huyện Y, Ninh Bình.

+ Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Cụ Phạm Văn T và cụ Hoàng Thị L, có khối tài sản chung là 689 m² đất, gồm có đất ở 203 m²; đất vườn 200 m²; đất ao 150 m² và đất hai lúa là 136 m², thuộc thửa số 55, tờ bản đồ số 05, tại xã K, huyện Y, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0209776 cấp ngày 28/8/1994, do UBND huyện K cấp,

mang tên cụ Phạm Văn T. Cụ T mất năm 2009 không để lại di chúc và cụ L mất năm 2016 có để lại văn bản họp gia đình tặng cho phần di sản của cụ L cho ông Phạm Văn N.

Nay ông Phạm Văn N, ông Phạm Công T, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị G, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị Nh thống nhất thỏa thuận:

Phân chia phần di sản thừa kế của cụ Phạm Văn T là 344,5 m² đất: Gồm có đất ở 101,5 m²; đất vườn 100 m²; đất ao 75 m² và đất hai lúa là 68 m², thuộc thửa số 55, tờ bản đồ số 05, tại xã K, huyện Y, theo quy định của pháp luật: Chia đều cho 6 kỹ phần cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Văn T là cụ Hoàng Thị L, ông Phạm Công T, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị G và ông Phạm Văn N mỗi kỹ phần được hưởng gồm:

- + Về đất ở : 16, 91m² x 4.000.000 đồng/m² = 67.640.000 đồng.
- + Về đất vườn: 16, 66 m² x 105.000 đồng/m² = 1.749.300 đồng.
- + Về đất ao: 12,5 m² x 100.000 đồng/m² = 1.250.000 đồng.
- + Về đất hai lúa: 11, 33m² x 70.000 đồng/m² = 793.100 đồng.

Tổng giá trị mỗi kỹ phần được hưởng là 71.432.400 đồng.

Đối với phần đất của cụ Hoàng Thị L và kỹ phần cụ L được hưởng giao cho ông Phạm Văn N được quản lý, sở hữu, sử dụng.

Đối với các phần đất được chia cho ông Phạm Công T, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị G và ông Phạm Văn N thống nhất giao lại cho ông Phạm Văn N được tiếp tục quản lý, sở hữu, sử dụng. Ông Phạm Văn N có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các kỹ phần là ông Phạm Công T, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị G, mỗi kỹ phần là 71.432.400 đồng (bảy mươi một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm đồng), thanh toán vào ngày 03/11/2022. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho các kỹ phần ông Phạm Văn N và bà Phạm Thị Nh được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng toàn bộ diện tích 689 m² đất, tại thửa số 55, tờ bản đồ số 05 tại xã K, huyện Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Phạm Văn T.

Đối với các tài sản trên đất do ông Phạm Văn N và bà Phạm Thị Nh xây dựng, nay các bên thống nhất tài sản này là của vợ chồng ông N, bà Nh xây dựng trên đất nay vợ chồng ông N tiếp tục quản lý, sở hữu sử dụng không ai có yêu cầu đề nghị gì khác.

Về án phí:

- Ông Phạm Văn N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.786.000 đồng (một triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005505 ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Ông Phạm Văn N còn phải nộp số tiền án phí dân sự còn lại là 1.486.000 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Công T, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị G theo quy định vì là người cao tuổi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

THẨM PHÁN

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Nhật Trung